



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

\*\*\*\*\*

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV/ 2016**

THÁNG 01/ 2017



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.023.190.645.681</b>	<b>727.572.437.118</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>664.810.224.233</b>	<b>514.591.242.289</b>
Tiền	111	V.1	7.710.224.233	4.841.242.289
Các khoản tương đương tiền	112		657.100.000.000	509.750.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>177.450.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	177.450.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>356.617.218.864</b>	<b>33.293.022.648</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	24.803.994.233	1.881.718.644
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.457.895.098	2.229.119.997
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		327.000.000.000	25.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.355.329.533	3.582.184.007
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>493.655.585</b>	<b>500.379.018</b>
Hàng tồn kho	141	V.5	493.655.585	500.379.018
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.269.546.999</b>	<b>1.737.793.163</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.062.516.089	193.279.152
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		207.030.910	1.544.514.011





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>11.510.826.637.525</b>	<b>8.903.656.426.880</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>148.004.000.000</b>	<b>272.004.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		148.000.000.000	272.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		4.000.000	4.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58.029.076.301</b>	<b>48.485.035.169</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	28.629.473.357	19.609.625.364
<i>Nguyên giá</i>	222		63.963.126.004	50.017.001.242
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(35.333.652.647)	(30.407.375.878)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	29.399.602.944	28.875.409.805
<i>Nguyên giá</i>	228		31.773.096.640	31.110.496.640
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.373.493.696)	(2.235.086.835)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.8</b>	<b>226.571.903.611</b>	<b>240.923.131.255</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		291.858.675.266	291.858.675.266
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(65.286.771.655)	(50.935.544.011)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>11.071.287.679.806</b>	<b>8.336.643.654.496</b>
Đầu tư vào công ty con	251		11.158.244.026.533	8.534.660.542.633
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		5.730.000.000	5.730.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(93.386.346.727)	(204.446.888.137)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.933.977.807</b>	<b>5.600.605.960</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	6.933.977.807	5.600.605.960
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>12.534.017.283.206</b>	<b>9.631.228.863.998</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>211.460.052.426</b>	<b>210.778.630.594</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>211.460.052.426</b>	<b>210.778.630.594</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5.142.478.766	998.098.414
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	8.268.648.795	27.162.332
Phải trả người lao động	314		1.242.441.000	868.719.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2.266.202.609	2.464.378.865
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		194.540.281.256	206.420.271.483
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>12.322.557.230.780</b>	<b>9.420.450.233.404</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>12.322.557.230.780</b>	<b>9.420.450.233.404</b>
Vốn cổ phần	411		8.428.749.560.000	7.329.514.190.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.428.749.560.000	7.329.514.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		674.149.437.068	674.149.437.068
Cổ phiếu quỹ	415		(1.093.000.000)	(638.500.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		502.000.000.000	300.416.193.231
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.718.751.233.712	1.117.008.913.105
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.197.264.964.726	1.020.075.422.647
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		521.486.268.986	96.933.490.458
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>12.534.017.283.206</b>	<b>9.631.228.863.998</b>

Hưng Yên, ngày 26 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Dương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV năm 2016

Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2016 VND	Quý IV năm 2015 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	VI.1	41.075.419.947	6.659.800.000	77.559.819.947	26.162.521.000
02		-	-	-	-
10		41.075.419.947	6.659.800.000	77.559.819.947	26.162.521.000
11	VI.2	37.791.792.787	3.240.338.202	64.205.671.438	12.961.352.808
20		<b>3.283.627.160</b>	<b>3.419.461.798</b>	<b>13.354.148.509</b>	<b>13.201.168.192</b>
21	VI.3	518.891.815.545	719.294.264.804	4.029.680.023.028	1.906.513.504.388
		<i>Trong đó: Lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			
22	VI.4	507.992.000.000	709.528.667.795	3.971.081.583.101	1.877.250.000.300
		<i>Chi phí tài chính</i>			
23		(35.964.676.216)	33.397.097.350	(70.599.619.088)	93.123.311.622
25		-	-	20.922.222	422.657.217
		<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			
26	VI.7	20.544.051.344	10.222.685.984	62.276.759.702	39.529.449.153
		<i>Chi phí bán hàng</i>			
		<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>			
30		<b>537.596.067.577</b>	<b>679.093.943.268</b>	<b>4.051.357.030.923</b>	<b>1.787.061.911.805</b>
		<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>			
31	VI.5	2.360.520.374	1.980.599.333	8.114.457.950	6.958.601.854
		<i>Thu nhập khác</i>			
32	VI.6	112.439.860	118.199.472	449.759.141	579.648.126
		<i>Chi phí khác</i>			
40		<b>2.248.080.514</b>	<b>1.862.399.861</b>	<b>7.664.698.809</b>	<b>6.378.953.728</b>
		<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>			
50		<b>539.844.148.091</b>	<b>680.956.343.129</b>	<b>4.059.021.729.732</b>	<b>1.793.440.865.533</b>
		<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>			
51		18.357.879.105	1.616.501.762	18.357.879.105	2.492.111.243
		<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>			
52		-	-	-	-
		<i>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</i>			
60		<b>521.486.268.986</b>	<b>679.339.841.367</b>	<b>4.040.663.850.627</b>	<b>1.790.948.754.290</b>
		<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>			

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Kim Oanh

Hưng Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2017



11/01/2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.059.021.729.732</b>	<b>1.793.440.865.533</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		21.485.426.512	19.918.291.293
- Các khoản dự phòng	03		(111.060.541.410)	92.700.654.405
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			-	(1.761.250)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.989.740.022.928)	(1.906.552.652.229)
- Chi phí lãi vay	06		20.922.222	422.657.217
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(20.272.485.872)</b>	<b>(71.945.031)</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(32.681.701.301)	(1.710.914.922)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		6.723.433	23.053.020
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		12.256.931.230	(1.040.081.912)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.333.371.847)	(3.048.264.814)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(422.657.217)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh sản xuất kinh doanh	17		(59.903.470.887)	(38.790.368.776)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(101.927.375.244)</b>	<b>(45.061.179.652)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.678.240.000)	(8.843.362.930)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		318.181.818	40.909.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.409.300.000.000)	(693.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.409.350.000.000	488.050.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.209.803.484.000)	(943.892.105.100)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.545.780.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.031.288.987.870	1.907.646.364.725

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		1.350.955.445.688	749.501.805.786
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		166.600.000.000	438.833.157.039
Tiền trả nợ gốc vay	34		(166.600.000.000)	(438.833.157.039)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.098.809.088.500)	(488.591.224.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(1.098.809.088.500)	(488.591.224.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		150.218.981.944	215.849.402.134
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		514.591.242.289	298.740.078.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1.761.250
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	664.810.224.233	514.591.242.289

Hưng Yên, ngày 26 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Kim Oanh



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng và
- Đầu tư tài chính

#### 3. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 4. Cấu trúc Công ty

#### • Danh sách các công ty con

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
1 <b>Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</b> Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,72%	99,72%
2 <b>Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát</b> Địa chỉ: Đường B4, khu B, KCN Phố Nối A, Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	99,60%	99,60%
3 <b>Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</b> Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,94%	99,94%
4 <b>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</b> Địa chỉ: Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	99,67%	99,67%
5 <b>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</b> Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,67%	99,67%
6 <b>Công ty CP Thép Hòa Phát</b> Địa chỉ: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	99,99%	99,99%
7 <b>Công ty CP Đầu tư &amp; Khoáng sản An Thông</b> Địa chỉ: Số 415, đường Trần Phú, P. Trần Phú, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang	99,96%	99,96%
8 <b>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</b> Khu NO3, Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, đường Hoàng Minh Giám, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TPHN	99,94%	99,94%
9 <b>Công ty CP Năng lượng Hòa Phát</b> Địa chỉ: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	99,89%	99,89%
10 <b>Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát</b> Địa chỉ: KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	100,00%	100,00%





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
• <b>Danh sách các công ty con</b>		
11 <b>Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát</b> Địa chỉ: Đường E1, khu E, KCN Phố Nối A, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	100,00%	100,00%
12 <b>Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</b> Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	99,99%	99,99%
• <b>Danh sách các công ty liên doanh, liên kết</b>		
Công ty Cổ phần khai khoáng Hòa phát- SSG Địa chỉ: Tổ 3- Phường Trần Hưng Đạo- TP Kon Tum- Tỉnh Kon Tum	38,00%	38,00%
• <b>Danh sách các đơn vị trực thuộc</b>		
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội</b> Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội		
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Đà Nẵng</b> Địa chỉ: 171 Trường Chinh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng		
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại TP Hồ Chí Minh</b> Địa chỉ: 643 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh		
II. <b>Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán</b>		
1. <b>Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.</b>		
2. <b>Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).</b>		
III. <b>Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng</b>		
1. <b>Chế độ kế toán áp dụng</b>		
Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.		
2. <b>Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán</b>		
Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý.		

T  
Á  
H  
H  
H  
H  
H

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **3. Các khoản đầu tư**

##### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

##### **(b) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

- Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kế khai thường xuyên
- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- *Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):* Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- *Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):* Khấu hao được tính theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:* Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.
- *Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:* Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê.

### 8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:* Trong báo cáo riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi nhận vào nguyên giá các tài sản này.

### 10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- *Cổ phiếu phổ thông*: Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- *Doanh thu cho thuê*: Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.
- *Thu nhập từ tiền lãi*: Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.
- *Thu nhập từ cổ tức*: Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt	385.877.143	152.060.239
Tiền gửi ngân hàng	7.324.347.090	4.689.182.050
<b>Cộng</b>	<b><u>7.710.224.233</u></b>	<b><u>4.841.242.289</u></b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	177.450.000.000	177.450.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>177.450.000.000</u>	<u>177.450.000.000</u>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 31/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
				Giá trị hợp lý VND
<b>• Công ty con</b>	<b>11.158.244.026.533</b>	<b>(93.386.346.727)</b>	<b>8.534.660.542.633</b>	<b>8.330.213.654.496</b>
• Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	179.500.000.000	-	179.500.000.000	179.500.000.000
• Công ty CP Nội thất Hòa Phát	398.400.000.000	-	398.400.000.000	398.400.000.000
• Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát	799.500.000.000	-	799.500.000.000	549.500.000.000
• Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	149.500.000.000	-	149.500.000.000	149.500.000.000
• Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	299.000.000.000	-	299.000.000.000	299.000.000.000
• Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	-	-	299.500.000.000	299.500.000.000
• Công ty CP Thép Hòa Phát	2.595.924.000.000	-	2.331.937.200.000	2.331.937.200.000
• Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	845.030.800.000	(93.386.346.727)	845.030.800.000	(204.446.888.137)
• Công ty CP Golden Gain Việt Nam	960.539.226.533	-	960.539.226.533	640.583.911.863
• Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	1.238.350.000.000	-	1.238.350.000.000	960.539.226.533
• Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	600.000.000.000	-	600.000.000.000	1.238.350.000.000
• Công ty TNHH MTV Chân nuôi Hòa Phát Đà Nẵng	-	-	30.000.000.000	600.000.000.000
• Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Phát	-	-	190.140.000.000	30.000.000.000
• Công ty TNHH Khoáng sản Hòa Phát Miraco	-	-	98.420.000.000	190.140.000.000
• Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thừc ân Chân nuôi Hòa Phát	-	-	300.000.000.000	98.420.000.000
• Công ty TNHH MTV Thức ăn Chân nuôi Hòa Phát Đông Nai	-	-	64.843.316.100	300.000.000.000
• Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát	1.000.000.000.000	-	-	64.843.316.100
• Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	2.092.500.000.000	-	1.000.000.000.000	-
			5.730.000.000	5.730.000.000
<b>• Công ty liên kết</b>				
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	5.730.000.000	-	5.730.000.000	5.730.000.000
<b>• Đơn vị khác</b>				
• Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	700.000.000	-	700.000.000	700.000.000



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>				
Phải thu của khách hàng	131.194.282	-	251.069.714	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	24.672.799.951	-	1.630.648.930	-
<b>Cộng ngắn hạn</b>	<b>24.803.994.233</b>	<b>-</b>	<b>1.881.718.644</b>	<b>-</b>

### 4. Phải thu khác

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khác – ngắn hạn</b>				
Lãi phải thu	1.564.070.836	-	3.334.378.730	-
Phải thu người lao động	240.459.014	-	-	-
Phải thu khác	550.799.683	-	247.805.277	-
<b>Cộng ngắn hạn</b>	<b>2.355.329.533</b>	<b>-</b>	<b>3.582.184.007</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khác – dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	4.000.000	-	4.000.000	-
<b>Cộng ngắn hạn</b>	<b>4.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.000.000</b>	<b>-</b>

### 5. Hàng tồn kho

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	89.548.828	-	96.272.261	-
Hàng hóa	404.106.757	-	404.106.757	-
<b>Cộng</b>	<b>493.655.585</b>	<b>-</b>	<b>500.379.018</b>	<b>-</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.461.631.355	27.962.665.268	17.592.704.619	50.017.001.242
- Tăng trong kỳ	-	15.910.640.000	105.000.000	16.015.640.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.069.515.238)	-	(2.069.515.238)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>4.461.631.355</b>	<b>41.803.790.030</b>	<b>17.697.704.619</b>	<b>63.963.126.004</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.135.630.938	16.798.270.369	12.473.474.571	30.407.375.878
- Khấu hao trong kỳ	798.980.484	4.239.986.944	1.956.824.579	6.995.792.007
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.069.515.238)	-	(2.069.515.238)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.934.611.422</b>	<b>18.968.742.075</b>	<b>14.430.299.150</b>	<b>35.333.652.647</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 31/12/2015	3.326.000.417	11.164.394.899	5.119.230.048	19.609.625.364
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>2.527.019.933</b>	<b>22.835.047.955</b>	<b>3.267.405.469</b>	<b>28.629.473.357</b>

### 7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại ngày 31/12/2015	28.755.408.500	2.355.088.140	31.110.496.640
- Mua trong kỳ	-	662.600.000	662.600.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>28.755.408.500</b>	<b>3.017.688.140</b>	<b>31.773.096.640</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại ngày 31/12/2015	-	2.235.086.835	2.235.086.835
- Khấu hao trong kỳ	-	138.406.861	138.406.861
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>-</b>	<b>2.373.493.696</b>	<b>2.373.493.696</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 31/12/2015	28.755.408.500	120.001.305	28.875.409.805
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>28.755.408.500</b>	<b>644.194.444</b>	<b>29.399.602.944</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư ngày 31/12/2015	291.858.675.266
Số dư ngày 31/12/2016	<u>291.858.675.266</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư ngày 31/12/2015	50.935.544.011
- Khấu hao trong kỳ	14.351.227.644
Số dư ngày 31/12/2016	<u>65.286.771.655</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/12/2015	240.923.131.255
Tại ngày 31/12/2016	<u>226.571.903.611</u>

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 31/12/2015	2.588.412.300	2.519.693.804	492.499.856	5.600.605.960
Tăng trong kỳ	-	678.329.720	12.135.811.044	12.814.140.764
Phân bổ trong kỳ	(1.240.365.914)	(2.825.668.680)	(7.414.734.323)	(11.480.768.917)
Số dư tại ngày 31/12/2016	<u>1.348.046.386</u>	<u>372.354.844</u>	<u>5.213.576.577</u>	<u>6.933.977.807</u>

### 10. Phải trả người bán

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.142.478.766	998.098.414
Cộng	<u>5.142.478.766</u>	<u>998.098.414</u>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	8.567.786.614	(8.567.786.614)	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.162.332	34.467.670.885	(34.491.644.174)	3.189.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.357.879.105	(10.092.419.353)	8.265.459.752
Tiền thuê đất	-	797.684.722	(797.684.722)	-
Các loại thuế, phí khác	-	406.841.673	(406.841.673)	-
<b>Cộng</b>	<b>27.162.332</b>	<b>62.597.862.999</b>	<b>(54.356.376.536)</b>	<b>8.268.648.795</b>

### 12. Phải trả khác

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Phải trả cổ tức	1.387.646.000	933.556.000
Các khoản phải trả khác	878.556.609	1.530.822.865
<b>Cộng</b>	<b>2.266.202.609</b>	<b>2.464.378.865</b>

Mẫu B 09a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cổ phiếu quỹ VND	Cộng VND
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>4.819.081.750.000</b>	<b>2.207.350.817.068</b>	<b>1.003.738.106.708</b>	<b>210.868.755.750</b>	-	<b>8.241.039.429.526</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.790.948.754.290	-	-	<b>1.790.948.754.290</b>
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	1.465.851.380.000	(1.465.851.380.000)	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	67.350.000.000	(67.350.000.000)	-	-	-	-
Trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu	977.231.060.000	-	(977.231.060.000)	-	-	-
Trả cổ tức năm 2014 bằng tiền	-	-	(488.625.075.000)	-	-	<b>(488.625.075.000)</b>
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	638.500.000	-	(638.500.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(122.812.875.412)	-	-	<b>(122.812.875.412)</b>
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	(89.547.437.481)	89.547.437.481	-	-
Thu lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(100.000.000)	-	-	<b>(100.000.000)</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>7.329.514.190.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>1.117.008.913.105</b>	<b>300.416.193.231</b>	<b>(638.500.000)</b>	<b>9.420.450.233.404</b>

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cổ phiếu quỹ VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>7.329.514.190.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>1.117.008.913.105</b>	<b>300.416.193.231</b>	<b>(638.500.000)</b>	<b>9.420.450.233.404</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	4.040.663.850.627	-	-	4.040.663.850.627
Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	1.099.235.370.000	-	(1.099.235.370.000)	-	-	-
Trả cổ tức năm 2015 bằng tiền	-	-	(1.099.263.178.500)	-	-	(1.099.263.178.500)
Thu hồi cổ phiếu thương của nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	454.500.000	-	(454.500.000)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(47.762.949.267)	-	-	(47.762.949.267)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(201.583.806.769)	201.583.806.769	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN 2014, 2015	-	-	8.559.274.516	-	-	8.559.274.516
Thù lao thành viên Ban kiểm soát	-	-	(90.000.000)	-	-	(90.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>8.428.749.560.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>2.718.751.233.712</b>	<b>502.000.000.000</b>	<b>(1.093.000.000)</b>	<b>12.322.557.230.780</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	1.465.851.380.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	-	67.350.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.099.235.370.000	977.231.060.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>8.428.749.560.000</b>	<b>7.329.514.190.000</b>

### c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	31/12/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	842.874.956	732.951.419
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	842.874.956	732.951.419
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu thu hồi làm cổ phiếu quỹ	(109.300)	(63.850)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	842.765.656	732.887.569
Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.075.419.947	6.659.800.000
<b>Cộng</b>	<b>41.075.419.947</b>	<b>6.659.800.000</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	37.791.792.787	3.240.338.202
<b>Cộng</b>	<b>37.791.792.787</b>	<b>3.240.338.202</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.899.815.545	9.763.835.759
Lợi nhuận công ty con chuyển về	507.992.000.000	709.528.667.795
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		1.761.250
<b>Cộng</b>	<b>518.891.815.545</b>	<b>719.294.264.804</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	-	5.029.371
Dự phòng đầu tư tài chính	(35.964.676.216)	33.392.067.979
<b>Cộng</b>	<b>(35.964.676.216)</b>	<b>33.397.097.350</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 5. Thu nhập khác

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	181.818.182	-
Thu từ cho thuê tài sản	631.609.092	497.160.000
Thu từ bán điện nước, cung cấp dịch vụ	1.544.581.105	1.260.461.029
Thu nhập khác	2.511.995	222.978.304
<b>Cộng</b>	<b>2.360.520.374</b>	<b>1.980.599.333</b>

#### 6. Chi phí khác

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Giá trị khấu hao TSCĐ cho thuê	112.439.860	118.199.472
<b>Cộng</b>	<b>112.439.860</b>	<b>118.199.472</b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	4.031.315.968	2.585.304.753
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.570.561.344	1.311.293.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.942.174.032	6.326.087.923
<b>Cộng</b>	<b>20.544.051.344</b>	<b>10.222.685.984</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### VII. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG TRƯỜNG HỢP BIẾN ĐỘNG TỪ 10% TRỞ LÊN

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2016 của Công ty là 521 tỷ đồng, giảm 23% so với kết quả kinh doanh cùng kỳ năm 2015 (quý 4 năm 2015 là 679 tỷ đồng) do lợi nhuận công ty con chuyển về quý 4 năm 2016 là 508 tỷ đồng, giảm 28% so với lợi nhuận công ty con chuyển về quý 4 năm 2015 (quý 4 năm 2015 là 709 tỷ đồng).

Hưng Yên, ngày 26 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc  
  
Trần Tuấn Dương

CTCP  
YÊN